

Bản án số: 536/2023/HS-PT
Ngày: 14-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 311/2023/TLPT-HS ngày 25/5/2023. Do có kháng cáo của bị cáo Thạch Trung K, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2023/HS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Thạch Trung K; giới tính: Nam; sinh ngày 02 tháng 7 năm 1985, tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: 4 đường T, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần Đ; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Thạch Văn A (chết) và bà Nguyễn Thị Kim C (sinh năm 1963); vợ: Phạm Thị Bích N (sinh năm 1988) và có 01 người con (sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2021 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Trần Thị Ngọc D thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

- Ông Lê Trường H, sinh năm 1983; nơi cư trú: 235/50/30 Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; nơi cư trú: 435 Đỗ Đăng T1, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/7/2019, Thạch Trung K thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ; MST 0315772539; địa chỉ: C đường số C, Khu dân cư H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 11/9/2019, Công ty thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đ, trong đó danh sách góp vốn gồm Thạch Trung K góp 5.000.000.000 đồng, Phạm Thị Bích N (vợ của K) góp 2.000.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kim C (là mẹ ruột của K) góp 2.000.000.000 đồng. Đến ngày 05/8/2020, thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đ, tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng (nhưng thực tế không có vốn góp). Ngành nghề kinh doanh là tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất.

Tháng 9/2019, thông qua môi giới, Thạch Trung K biết được ông Lê Trường H đứng tên quyền sử dụng Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu bán thửa đất này. Ông H đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất tại Ngân hàng N2 (A1) - Chi nhánh T5 để vay số tiền 7.580.000.000 đồng (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCL-201701151 ngày 31/08/2017). K và ông H thỏa thuận giá bán là 9.500.000.000 đồng, K chịu trách nhiệm đến ngân hàng nộp tiền giải chấp sổ đỏ, sau đó sẽ công chứng chuyển tên cho K, số tiền chênh lệch còn lại K hoàn trả cho ông H (thỏa thuận này 2 bên chỉ mới trao đổi đặt vấn đề bằng miệng chưa lập văn bản).

Dù chỉ mới được ông H hứa bán Thửa đất trên, nhưng K đã liên hệ Nguyễn Văn T đề nghị san lấp mặt bằng, K cung cấp cho T bản sao CMND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Trường H để T làm thủ tục xin phép san lấp mặt bằng tại UBND xã T Thượng. Ngày 30/9/2019, Ủy ban nhân dân xã T Thượng ra thông báo số 1845/TB-UBND về việc đồng ý cho ông T tiến hành san lấp mặt bằng là thửa đất nêu trên của ông H. Ngày 28/10/2019, Thạch Trung K ký Hợp đồng với ông Nguyễn Văn T để san lấp mặt bằng có diện tích 3.848,1m², cao độ 2m. Thời gian thi công từ ngày 28/10/2019 đến ngày 28/12/2019, giá trị hợp đồng là 1.700.000.000 đồng (thanh toán theo 04 đợt); Đến thời điểm tháng 02/2020, ông T đã thực hiện việc san lấp được 80% tiến độ, tuy nhiên K chỉ thanh toán cho ông T số tiền 700.000.000 đồng, do đó ông T không tiếp tục san lấp theo hợp đồng.

Ngày 23/11/2019, K cùng ông H ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có nội dung: Ông H đồng ý chuyển nhượng Thửa đất 100, Tờ bản đồ số 33, diện tích 3.848,1m², tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho Thạch Trung K, với giá 9.500.000.000 đồng. Phương thức và điều kiện thanh toán như sau:

+Lần 1: Ngày 23/11/2019, thanh toán 500.000.000 đồng;

+Lần 2: Ngày 02/12/2019, thanh toán 500.000.000 đồng;

+Lần 3: Ngày 23/12/2019, thanh toán phần còn lại số tiền 8.500.000.000 đồng cho Ngân hàng A1 - Chi nhánh T5 để tất toán khoản vay (bao gồm vốn vay gốc 7.580.000.000 đồng và lãi vay phát sinh đến thời điểm 23/12/2019).

Ngày ngày 23/11/2019, sau khi ký hợp đồng cọc, K đã thanh toán cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 23/12/2019, hạn cuối cùng phải thực hiện việc thanh toán tiền theo hợp đồng để tất toán khoản vay, rút sổ về, nhưng K không có khả năng thanh toán. Nên ông H đồng ý cho K nộp lãi của khoản vay tại Ngân hàng để có thời gian thanh toán hợp đồng đặt cọc. Ngày 24/12/2019 và ngày 30/12/2019, K thay ông H nộp tổng số tiền 700.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Thanh H1 là Cán bộ Ngân hàng A1 - Chi nhánh T5, người phụ trách, theo dõi khoản nợ cho vay của ông H để đóng lãi phát sinh cho ông H.

Đến ngày 24/02/2020, K cùng ông H đến Phòng công chứng Nguyễn Trí T2, địa chỉ: C Quốc lộ A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, ký Giấy ủy quyền công chứng số 001820 nội dung: ủy quyền cho K đến Ngân hàng A1 - Chi nhánh T5 tất toán khoản vay và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Như vậy, từ ngày thỏa thuận và đặt cọc mua đất đến ngày được ông H ủy quyền liên hệ ngân hàng tất toán khoản vay; Thạch Trung K không được ông H ủy quyền thực hiện các quyền sở hữu, sử dụng thửa đất; làm thủ tục xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền để thành lập dự án, phân lô tách thửa. Nhưng Thạch Trung K đã chỉ đạo nhân viên tên C1 lập ra Bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu dân cư T, thể hiện có 31 nền đất được đánh số thứ tự từ 1 đến 31, tự đặt tên dự án là Khu dân cư T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; soạn thảo hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mẫu; quảng cáo bán đất nền trên các trang mạng xã hội.

Khi khách hàng đến liên hệ mua đất nền dự án, để khách hàng tin tưởng K cho khách hàng xem bản photo Hợp đồng Kiên đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng với ông H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H và Bản đồ quy hoạch tự lập để khách chọn nền mua và báo với khách: giấy tờ pháp lý của thửa đất đang nộp tại cơ quan chức năng.

Do tin tưởng những thông tin của K và nhân viên đưa ra là thật, nên có 03 khách hàng đồng ý ký 05 Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Thạch Trung K (người đại diện Công ty Đ) và đã chuyển khoản vào tài khoản hoặc nộp tiền mặt cho K với tổng số tiền 2.238.658.000 đồng, bị K chiếm đoạt. Cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt của ông Trương Văn H2 số tiền 1.301.224.500 đồng:

Ngày 18/11/2019, thời điểm Thạch Trung K mới thỏa thuận miệng mua đất của ông H (chưa ký hợp đồng đặt cọc). Với chức danh Giám đốc đại diện Công ty Cổ phần Đ, Thạch Trung K ký hai Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 06 và 07/2019/HĐCN/TLT-TĐP nội dung: bán cho ông Trương Văn H2, nền đất số 04 và 05, là một phần đất tách từ thửa 100, tờ bản đồ số 33, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có cùng diện tích 80,1m²/nền, thổ cư 100%, thời hạn sử dụng lâu dài. Giá trị chuyển nhượng là 720.900.000 đồng/nền. Phương thức thanh toán: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng đặt cọc, ông H2 thanh toán 95% tổng giá trị hợp đồng với số tiền, số tiền này đã bao gồm tiền đặt cọc và hai bên tiến hành ký hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Công ty Đ chiết khấu cho ông H2 05% giá trị hợp đồng. Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày ông H2 thanh toán đủ 50 % giá trị hợp đồng này thì Công ty phải tiến hành bàn giao đất nền cho ông H2.

Để được hưởng chiết khấu theo hợp đồng, cùng ngày 18/11/2019, ông H2 đã chuyển khoản 1.369.710.000 đồng (tương đương 95% giá trị của hai hợp đồng) vào tài khoản số 19030305851016 của Thạch Trung K, mở tại Ngân hàng T6. Sau đó, K chuyển khoản trả lại cho ông H2 68.485.500 đồng tiền chiết khấu (5%) theo thỏa thuận. Như vậy số tiền K đã thực tế chiếm đoạt của ông H2 là 1.301.224.500 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt của bà Tạ Thị Thúy Hằng s tiền 196.000.000 đồng:

Ngày 23/12/2019 (sau 01 tháng ký hợp đồng đặt cọc với ông H), Thạch Trung K (với chức danh Giám đốc đại diện Công ty Cổ phần Đ) ký Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 10/2019/HĐCN/TL-TĐP nội dung: bán cho bà Tạ Thị Thúy H3, nền đất số 17 (tách từ Thửa đất số 100), diện tích 80m², thổ cư 100%, thời hạn sử dụng lâu dài. Giá trị chuyển nhượng đã bao gồm thuế VAT là 720.000.000 đồng. Phương thức thanh toán:

+Đợt 1: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi hai bên ký kết Hợp đồng đặt cọc, bà H3 thanh toán 30 % tổng giá trị hợp đồng;

+Đợt 2: Khi Khu dân cư T - C đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng, Công ty sẽ thông báo cho bà H3 bằng văn bản. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, bà H3 thanh toán 30% tổng giá trị hợp đồng;

+Đợt 3: Khi hai bên tiến hành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên tại cơ quan có thẩm quyền công chứng chứng thực, Bên B thanh toán 40% tổng giá trị hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng đã ký, cùng ngày, bà H3 đã thanh toán cho K số tiền tổng cộng 196.000.000 đồng.

3. Hành vi chiếm đoạt của ông Hồ Đức T3 số tiền 672.948.000 đồng:

Tương tự thời điểm của bà H3, ngày 29/12/2019, K ký hai Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 08 và 09/2019/HĐCN/TLT-TĐP, nội dung: bán cho ông Hồ Đức T3 nền đất số 06, diện tích 80,5m² với giá 673.785.000 đồng và nền số 07, diện tích 80.3m² với giá 672.111.000 đồng (tách từ Thửa đất số 100), thổ cư 100%, thời hạn sử dụng lâu dài. Phương thức thanh toán:

+ Đợt 1: Trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng đặt cọc, thanh toán 50% tổng giá trị hợp đồng;

+ Đợt 2: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại. Sau khi Công ty hoàn tất thủ tục tách thửa ô đất số 06 và 07 là một phần tách thửa từ thửa 100, tờ bản đồ số 33, Công ty sẽ thông báo bằng văn bản và tin nhắn cho ông T3 trước 14 ngày.

Trong thời hạn 04 tháng kể từ khi ông T3 ký hợp đồng này (đến ngày 29/4/2020) và thanh toán cho Công ty đủ 50 % tổng giá trị hợp đồng thì Công ty có trách nhiệm lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để hai bên ký hợp đồng chính thức tại cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực. Công ty có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày ông T3 thanh toán đủ 50% giá trị hợp đồng này thì Công ty phải tiến hành bàn giao đất nền cho ông T3.

Ông T3 đã thanh toán cho K số tiền tổng cộng 672.948.000 đồng bằng hai hình thức Chuyển khoản và giao tiền mặt.

Tổng số tiền Thạch Trung K đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại Trương Văn H2, Tạ Thị Thúy H3, Hồ Đức T3 là 2.170.172.500 đồng.

Kết quả điều tra bổ sung và qua xét hỏi tại phiên tòa xác định, số tiền chiếm đoạt của các bị hại được K sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 18/11/2019 đến ngày 30/12/2019 như sau:

+ Chuyển khoản và giao tiền mặt thanh toán tiền sang lập mặt bằng cho ông Nguyễn Văn T 700.000.000 đồng;

+ Chuyển khoản thanh toán cho ông Lê Trường H để đặt cọc và thanh toán tiền chuyển nhượng thửa đất số 100, tờ bản đồ 33, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh 1.100.000.000 đồng và trả tiền lãi thay cho ông Lê Trường H (theo Hợp đồng

thế chấp tài sản số 6360-LCL-201701151 ngày 31/8/2017) tại ngân hàng N2 (A1) - Chi nhánh T5 700.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.800.000.000 đồng.

Kết quả điều tra bổ sung và tại phiên tòa:

Thạch Trung K thừa nhận việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Trương Văn H2, ông Hồ Đức T3 và bà Tạ Thị Thúy H3 để chiếm đoạt tiền của 03 bị hại như trên mặc dù chưa được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm hồ sơ xin lập dự án đối với Thửa đất số 100, Tờ bản đồ số 33 tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc K bán đất cho các bị hại là do ông Trần Trọng T4 chỉ đạo K tiến hành việc phân lô bán nền do ông T4 có tham gia góp vốn vào Công ty Đ, tuy nhiên K xác định không có tài liệu gì chứng minh.

Đối với việc Phạm Thị Bích N (vợ K) và bà Nguyễn Thị Kim C (mẹ K) đứng tên góp vốn vào Công ty Cổ phần Đ là do K tự lấy thông tin để hoàn tất thủ tục thành lập, thay đổi thông tin doanh nghiệp. Thực tế N và bà C không góp vốn vào Công ty, không biết và không tham gia vào hoạt động của Công ty mà tất cả do K điều hành, quản lý.

Ông Trần Trọng T4 xác định không tham gia hợp tác góp vốn vào Công ty Cổ phần Đ và chỉ đạo cho K lập dự án bán đất cho các bị hại như K đã khai. Về việc chuyển nhượng đất với ông H là thông qua môi giới ông T4 biết ông Lê Trường H có nhu cầu bán Thửa đất số 100 nên đã mua. Sau khi mua đất của ông H thì ông thỏa thuận chuyển nhượng lại Thửa đất số 100 cho Thạch Trung K, tuy nhiên đến nay K không thực hiện thanh toán tiền mua đất theo tiến độ hợp đồng và vi phạm hợp đồng đã ký.

Ông Lê Trường H xác định: Tháng 11/2019, Thạch Trung K và ông H ký Hợp đồng chuyển nhượng lại Thửa đất 100 (lúc đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng) với giá 9,5 tỷ đồng và K chịu trách nhiệm đến ngân hàng nộp tiền giải chấp sổ đỏ ra, sau đó sẽ chuyển nhượng tên cho K. Ngày 23/11 và ngày 02/12/2019, K đặt cọc 01 tỷ đồng cho ông H; ngày 24/12 và ngày 30/12/2019 K thanh toán 700.000.000 đồng với Ngân hàng thay ông H để trả lãi và một phần vốn vay. Ngày 24/02/2020, K yêu cầu ông H đến Phòng công chứng Nguyễn Trí T2 ký ủy quyền cho K để đến ngân hàng và cơ quan chức năng làm thủ tục trả nợ khoản vay và nhận bản chính sổ đỏ thay ông H. Ngày 06/3/2020, K yêu cầu ông H đến Phòng C2 ký sang tên cho ông T4 (do đất này K đã bán lại cho ông T4). Cùng ngày ông H cũng hủy Giấy ủy quyền ngày 24/02/2020 với K. Từ đó đến nay, ông H không còn liên quan gì đến quyền sử dụng Thửa đất số 100.

Nguyễn Văn T (người được Thạch Trung K thuê san lấp mặt bằng đối với Thửa đất số 100) xác định: Ngày 28/10/2019, ông T và Thạch Trung K ký Hợp đồng san lấp mặt bằng với nội dung K đồng ý cho ông Nguyễn Văn T san lấp mặt bằng Thửa đất số 100, với tổng giá trị hợp đồng là 1.700.000.000 đồng. Sau đó, ông T đã tiến

hành san lấp mặt bằng đối với Thửa đất số 100, nêu trên đến thời điểm tháng 02/2020, ông T đã san lấp được 80% tiến độ, nhưng K chỉ thanh toán cho ông T số tiền 700.000.000 đồng, còn nợ không thanh toán số tiền còn lại theo tiến độ, nên ông T không tiếp tục san lấp mặt bằng.

Bà Phạm Thị Bích N (vợ K), bà Nguyễn Thị Kim C (mẹ K) khai: Việc đứng tên góp vốn thành lập Công ty Đ là do K đưa vào để làm thủ tục thay đổi pháp nhân Công ty. Bà N và bà C không biết và cũng không ký các giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng nền đất với ông Trương Văn H2, ông Hồ Đức T3 và bà Tạ Thị Thúy H3. Hoạt động của Công ty đều do Thạch Trung K quản lý, chỉ đạo, điều hành, bà N và bà C không liên quan, cũng không tham gia vào hoạt động của Công ty.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện C: Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 điểm dân cư nông thôn xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, tại khu đất nêu trên không có dự án nào mang tên “Khu dân cư T”. Hiện trạng là đất trống, không được phân lô, phân nền.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C: Ngày 04/5/2017, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 100, Tờ bản đồ số 33, bộ địa chính xã T, huyện C cho ông Lê Trường H, sinh năm 1983, CMND số 023800496; địa chỉ: 3 đường số D, phường H, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 31/8/2017, ông H thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng N2 - Chi nhánh T5, theo hồ sơ số 006490.TC.002. Ngày 09/3/2020, xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 31/8/2017 theo hồ sơ số 006490.XC.003.

Ngày 13/3/2020, ông Lê Trường H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên cho ông Trần Trọng T4, sinh năm 1974, CCCD số 060074000068; địa chỉ: A C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng C2 công chứng số 03332 quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/3/2022 với giá 1.000.000.000 đồng. Hiện tại khu đất trên không có dự án nào, cũng không phân lô, phân nền.

Kết quả xác minh tại Chi cục Thuế Khu vực Q - huyện H: Công ty Đ do Thạch Trung K là đại diện theo pháp luật có khai thuế từ quý 3/2019 đến quý 2/2020. Công ty Đ đang hoạt động tại địa chỉ đăng ký và còn đang nợ 4.705.018 đồng tiền thuế.

Kết quả xác minh tại Văn phòng C3 (Văn phòng Nguyễn Trí T2): Ngày 24/02/2020, Văn phòng Nguyễn Trí T2 chứng nhận Giấy ủy quyền số 001820 với nội dung ông Lê Trường H ủy quyền cho Thạch Trung K liên hệ với Ngân hàng N2 - Chi nhánh T5 và các cơ quan chức năng để trả các khoản nợ vay được bảo đảm bằng việc thế chấp Thửa số 100, Tờ bản đồ số 33; K được quyền kê khai, ký tên trên các giấy tờ liên quan, rút hồ sơ, nhận bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các quyền, nghĩa vụ do pháp luật quy định. Ngày 06/3/2020, ông H đã

lập văn bản hủy bỏ ủy quyền nêu trên theo chứng nhận số 002399 của Văn phòng Nguyễn Trí Tam .

Phòng K1 - Công an Thành phố H kết luận: chữ ký tên Thạch Trung K trên các hợp đồng, phiếu thu và chữ ký tên Thạch Trung K do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một người ký ra. Dấu tròn của Công ty Cổ phần Đ trên các hợp đồng và dấu tròn của Công ty Cổ phần Đ do Cơ quan điều tra thu thập được là do cùng một con dấu đóng ra.

Vật chứng thu giữ của Thạch Trung K: 01 (Một) CPU máy tính màu đen, đã qua sử dụng, được niêm phong trong 01 thùng carton có dán giấy niêm phong có chữ ký của Thạch Trung K đề ngày 28/12/2021; 01 (Một) túi N1 chứa: 01 (Một) con dấu họ và tên “Thạch Trung K”, 01 (Một) con dấu tròn của Công ty TNHH Đ”, 01 (Một) con dấu vuông của Công ty Cổ phần Đ” được dán giấy niêm phong có chữ ký của Thạch Trung K đề ngày 28/12/2021.

Tại bản cáo trạng số 298/CT-VKS-P3 ngày 08/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Thạch Trung K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra Cáo trạng còn xác định: Trong quá trình điều tra, để làm rõ dấu hiệu trốn thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ theo giá trị khai báo trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Thửa 100 giữa Lê Trường H và Trần Trọng T4. Ngày 28/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H đã ban hành Quyết định số 140-04 trưng cầu giám định Cục Thuế Thành phố H xác định hành vi và số tiền trốn thuế trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 100, Tờ bản đồ số 33 tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả. Do đó, ngày 20/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H ban hành Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 140-13 để làm rõ trốn thuế khi chuyển nhượng Thửa đất số 100, Tờ bản đồ số 33 tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Lê Trường H và ông Trần Trọng T4.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2023/HS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thạch Trung K 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2021.

...

- Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải giao nộp số tiền là vật chứng của vụ án để giao trả cho các bị hại và được khấu trừ vào số tiền Thạch Trung K phải bồi thường nêu trên, cụ thể sau:

+ Buộc ông Nguyễn Văn T phải giao nộp số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng;

+ Buộc ông Lê Trường H phải giao nộp số tiền 1.455.172.500 (một tỉ bốn trăm năm mươi lăm triệu một trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Thạch Trung K, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H chưa thực hiện hết khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 24/4/2023, bị cáo Thạch Trung K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Cùng ngày 28/4/2023, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H có đơn kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định số tiền buộc các ông giao nộp không phải là tang vật của vụ án, không buộc các ông nộp lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Trường H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Đơn kháng cáo của bị cáo và các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H trong hạn luật định. Về nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Tại phiên tòa, bị cáo Thạch Trung K xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhận thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Thạch Trung K. Xét kháng cáo của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H, vị kiểm sát viên phân tích số tiền mà ông T, ông H có kháng cáo được xác định là tiền do hành vi phạm tội của bị cáo K mà có, là vật chứng của vụ án và buộc ông T, ông H trả lại cho các bị hại

là có căn cứ, kháng cáo không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Thạch Trung K, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T là người có kháng cáo, lý do xin hoãn phiên tòa của ông T là sức khỏe không đảm bảo, tuy nhiên kèm theo đơn thì ông T không có các tài liệu hợp pháp để chứng minh cho lý do xin hoãn phiên tòa (sổ khám bệnh, giấy nhập viện,...) nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[1.2] Về việc rút đơn kháng cáo của bị cáo Thạch Trung K:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thạch Trung K xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, hợp lệ nên căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thạch Trung K.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

[2.1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019, Thạch Trung K nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các ông bà gồm Trương Văn H2, Tạ Thị Thúy H3, Hồ Đức T3 là những khách hàng mua nền đất. Thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù không có nguồn vốn để thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Trường H tại Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 33 tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; cũng không được ông Lê Trường H ủy quyền thực hiện các quyền sở hữu, sử dụng, liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để thành lập dự án, phân lô tách thửa nhưng Thạch Trung K đã tự lập bản vẽ phân lô nền đất, tự đặt tên dự án “*Khu dân cư Trung Lập Thượng*” không có thật, đại diện Công ty Đ ký Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất

(đất nền), chiếm đoạt của ông Trương Văn H2, bà Tạ Thị Thúy H3 và ông Hồ Đức T3 với tổng số tiền 2.170.172.500 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Thạch Trung K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan, không sai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt 12 (mười hai) năm tù đối với bị cáo Thạch Trung K là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

[2.2] Xét trách nhiệm dân sự:

[2.2.1] Bị cáo Thạch Trung K ký Hợp đồng với ông Nguyễn Văn T để san lấp mặt bằng, giá trị hợp đồng là 1.700.000.000 đồng nhưng K chỉ mới thanh toán cho ông T số tiền 700.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T cũng xác định có nhận từ K số tiền tổng cộng 700.000.000 đồng.

[2.2.2] Theo thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận trả lãi ngân hàng giữa ông Lê Trường H với bị cáo K, ông Lê Trường H xác định có nhận từ K số tiền tổng cộng 1.700.000.000 đồng.

Ông H và ông T xác định việc giao dịch dân sự với K là hợp pháp nên không đồng ý giao nộp lại số tiền trên theo yêu cầu của các bị hại.

Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền 700.000.000 đồng mà bị cáo Thạch Trung K sử dụng vào việc trả tiền san lấp mặt bằng theo hợp đồng với ông Nguyễn Văn T và số tiền 1.700.000.000 đồng sử dụng vào việc đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận trả lãi ngân hàng cho ông Lê Trường H là tiền chiếm đoạt của các bị hại, là tiền do phạm tội mà có được xác định là vật chứng của vụ án cần được thu hồi để trả lại cho các bị hại, tương ứng với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông Trương Văn H2, bà Tạ Thị Thúy H3 và ông Hồ Đức T3 là 2.170.172.500 đồng là đúng quy định. Từ đó buộc ông T phải giao nộp số tiền 700.000.000 đồng, buộc ông H giao nộp số tiền 1.455.172.500 đồng để hoàn trả cho các bị hại là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để làm căn cứ cho yêu cầu kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận lời trình bày của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

4.1 Án phí hình sự phúc thẩm: Do bị cáo rút yêu cầu kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Thạch Trung K về phần hình phạt.

- Không chấp nhận kháng cáo của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2023/HS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thạch Trung K 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/10/2021.

2/ Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải giao nộp số tiền là vật chứng của vụ án để giao trả cho các bị hại và được khấu trừ vào số tiền Thạch Trung K phải bồi thường nêu trên, cụ thể sau:

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải giao nộp số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng;

- Buộc ông Lê Trường H phải giao nộp số tiền 1.455.172.500 (một tỉ bốn trăm năm mươi lăm triệu một trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm) đồng.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Án phí:

4.1 Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T, ông Lê Trường H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo các biên lai thu số 0004675 ngày 10/5/2023 và 0004697 ngày 12/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông T và ông H đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh (2);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- TTG Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (1);
- NLQ (2);
- Lưu HSVA(2). VP(5) 19b. (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Mười